

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2020/ HNGĐ-ST

Ngày 11 - 12 – 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng

-Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Hưng.

2. Ông Trần Thanh Khen.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 450/ 2020/ TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020, về việc “ Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp V3, xã H, huyện H, tỉnh G.

Bị đơn: Anh Lê Thanh P, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008 qua quen biết, chị và anh P tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 08/5/2009. Sau khi cưới vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với gia đình bên

chồng, khoảng thời gian này anh chị mua bán vật liệu xây dựng nhỏ, nhưng do bất đồng quan điểm sống, mọi công việc làm ăn đều do anh P quyết định, không hỏi ý kiến của chị, từ đó vợ chồng cãi vã, chị nhiều lần nói chuyện với anh P nhưng anh không nghe, không thể chung sống được nên năm 2015 chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay, thời gian đầu anh P có đến thăm con, thời gian gần đây thì không liên lạc, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thanh T, sinh ngày 08/6/2009. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục được nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

-Bị đơn anh Lê Thanh P: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tại bản khai ý kiến và yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 12 tháng 11 năm 2020 anh P trình bày: Anh và chị P tiến đến hôn nhân năm 2009. Trong thời gian chung sống giữa anh chị có những bất đồng trong cuộc sống, không thể chung sống cùng nhau được nữa, anh chị ly thân từ năm 2015, tình cảm không còn. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P.

Về con chung: Cháu Lê Thanh T đang chung sống cùng với chị P. Anh đồng ý giao con cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Anh yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, vì giữa anh và chị P tình cảm không hàn gắn được. Do bận công việc anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

-Ý kiến của cháu Lê Thanh T: Cháu là con của ông Lê Thanh P và bà Trần Thị P. Hiện cháu đang chung sống cùng với chị P. Khi cha mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu được chung sống với chị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Lê Thanh P có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt. Ý kiến của anh đã được trình bày trong bản khai ý kiến và yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh P.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh P tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết số 65 vào ngày 08/5/2009. Do đó hôn nhân của chị P và anh P là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, chung sống với nhau. Nhưng hôn nhân của chị P và anh P, trong cuộc sống có những bất đồng không giải quyết được, thời gian sống ly thân đã lâu, không ai còn quan tâm chăm sóc cho nhau, sự quan tâm và chia sẻ với nhau không có, cho thấy tình cảm vợ chồng của anh chị không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị P và anh P không yêu cầu được đoàn tụ. Chị P yêu cầu ly hôn với anh P, anh P cũng đồng ý ly hôn với chị P. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[4]. Về con chung: Cháu Lê Thanh T hiện do chị P nuôi dưỡng. Chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh P cũng đồng ý, nguyện vọng của cháu T được tiếp tục chung sống với chị P. Do đó giao cháu T cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[7]. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[8]. Về án phí: Buộc chị P phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị P được ly hôn với anh Lê Thanh P.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thanh T, sinh ngày 08/6/2009 cho chị Trần Thị P tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu T. Anh Lê Thanh P có quyền tới lui thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Buộc chị Trần Thị P nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai số 0006155 ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

7. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- UBND xã Đ-Long Hồ-VL
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án. /.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Bằng